

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2020

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 551/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 và Thông báo dời lịch xét xử số 11/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Cao Hoài M, sinh năm 1981; (vắng mặt).

Địa chỉ: xã AH, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Cao Hoài M cưới nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M không quan tâm vợ con, không quan tâm chăm sóc gia đình và có tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Khi có người phụ nữ khác anh M đòi ly hôn với chị nhưng lúc đó chị mới sinh con nên chị không đồng ý. Chị và anh M đã sống ly thân với nhau nay khoảng 03 năm. Từ khi ly thân đến nay chị và anh M không hàn gắn lại được với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn lại được và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh M, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Cao Hoài M.

- Về con chung: chị và anh M có 03 con chung, tên Cao Nguyễn H, sinh ngày 28/10/2011, Cao Nguyễn G, sinh ngày 12/4/2013, Cao Nguyễn C, sinh ngày 22/01/2016. Từ khi ly thân đến nay 03 con chung do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 03 con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi cháu một tháng tháng là 1.000.000đồng cho đến khi tròn 18 tuổi. Con chung từ nhỏ đã sống chung với chị, ông bà ngoại nên đã quen với môi trường sống bên gia đình chị, chị vẫn đủ điều kiện chăm sóc con chung rất tốt, con vẫn phát triển tốt về thể chất tinh thần. Cha mẹ chị sức khỏe còn tốt và phụ giúp chị chăm sóc đưa rước các cháu học, chị đi làm về thì trực tiếp chăm sóc các con. Đối với anh M chị vẫn tạo điều kiện cho anh M tới lui thăm con, chăm sóc, giáo dục con chung, thỉnh thoảng chị vẫn tạo điều kiện cho anh M đón các cháu về gia đình nội chơi. Chị hiện là nhân viên của Ngân hàng TMCP Techcombank tỉnh Tiền Giang lương tháng ổn định trên 10.000.000đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Cao Hoài M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị T do anh vẫn còn thương vợ, thương con muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm cùng lo cho các con, không muốn con chung thiếu tình thương của cha mẹ khi ly hôn. Anh thừa nhận là có thời gian anh không chung thủy với chị T, anh có quen người phụ nữ khác bên ngoài nhưng lúc đó do có nhiều chuyện buồn, áp lực công việc, chăm sóc con, gia đình nên anh mới phạm sai lầm. Giữa anh và chị T đôi lúc cũng có cự cãi nhau, quan điểm không hợp nhau và không còn sống hạnh phúc từ khi chị T có

bà cháu C. Nhưng trong 03 năm qua anh vẫn thường xuyên về thăm chị T và các con, vẫn chăm lo cho vợ con chu đáo. Anh rất muốn chị T suy nghĩ lại mà cho anh thêm cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- *Về con chung*: Anh và chị T có 03 con chung là Cao Nguyễn H, sinh ngày 28/10/2011, Cao Nguyễn G, sinh ngày 12/4/2013; Cao Nguyễn C, sinh ngày 22/01/2016 hiện nay các con đang sống chung với T và gia đình bên ngoại. Các con chung được chị T, ông bà ngoại chăm sóc rất kỹ, chu đáo và rất tốt, 03 bé vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, sống chung với nhau rất hòa đồng và thương yêu nhau. Anh hiện nay làm nhân viên bảo hiểm tại Công ty bảo hiểm nhân thọ FWD tại Bến Tre lương tháng trên 10.000.000 đồng nên đủ khả năng nuôi con chung, cha mẹ anh cũng có điều kiện phụ anh nuôi con. Trong thời gian chị T nuôi con thì anh có thường xuyên tới thăm nom, chăm sóc con, chị T vẫn tạo điều kiện cho anh thăm con và không có ngăn cản. Nếu Tòa án cho T ly hôn với anh thì anh có nguyện vọng nuôi cháu Cao Nguyễn G, sinh ngày 12/4/2013 và không yêu cầu T cấp dưỡng nuôi cháu G. Anh đồng ý giao cho T nuôi 02 con chung Cao Nguyễn H, sinh ngày 28/10/2011, Cao Nguyễn C, sinh ngày 22/01/2016 anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/01 con chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa cháu Cao Nguyễn G, sinh ngày 2/4/2013 đã đủ 7 tuổi, theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải lấy ý kiến để xem con chung có nguyện vọng sống với ai. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử dừng phiên tòa để lấy ý kiến cháu G xem cháu có nguyện vọng sống với ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Cao Hoài M kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh M phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng anh chị thường xuyên cự cãi với nhau, anh M thừa nhận anh đã từng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Trong thời gian sống ly thân, hai bên cũng không tìm ra được biện pháp nào

để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh M không đồng ý ly hôn, nhưng phía chị T cho rằng mâu thuẫn đã trầm trọng và hiện chị đã không còn tình cảm với anh M nên cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân phải được xây dựng từ sự tự nguyện của đôi bên và chỉ được duy trì bền vững dựa trên lòng tin, trách nhiệm, sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M đã không còn trách nhiệm, sự thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Trong thời gian ly thân đến ngày xét xử, anh M dù không muốn ly hôn nhưng cũng không có động thái để thuyết phục chị T hàn gắn gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị T và anh M có 03 con chung là Cao Nguyễn H, sinh ngày 28/10/2011, Cao Nguyễn G, sinh ngày 12/4/2013; Cao Nguyễn C, sinh ngày 22/01/2016.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù cháu G đã đủ 07 tuổi nhưng anh M và chị T thống nhất trình bày cháu G có biểu hiện không giống những đứa trẻ khác gần giống như bị tự kỷ, không muốn con biết việc cha mẹ ly hôn và không dẫn cháu đến Tòa. Hội đồng xét xử xét thấy việc lấy ý kiến con chung chỉ là một trong các yếu tố để xem xét giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa vụ án này được đưa ra xét xử vào thời điểm cháu G chưa đủ 07 nhưng vì lý do khách quan (dịch bệnh COVID 19) nên dời lại. Do đó, đề nghị dừng phiên tòa để lấy ý kiến cháu G của vị đại diện Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ khi ly thân đến nay con chung do chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Mặc dù anh M có nguyện vọng được nuôi con chung Cao Nguyễn G, sinh ngày 12/4/2013 nhưng anh M cũng thừa nhận từ khi thân đến nay các con được chị T, ông bà ngoại chăm sóc rất kỹ, chu đáo và rất tốt, 03 bé vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần và sống chung với nhau rất hòa đồng và thương yêu nhau. Chị T vẫn tạo điều kiện cho anh thăm con và không có sự ngăn cản anh. Mặc khác, cháu G đang sống cùng anh em tâm sinh lý và việc học hành đều phát triển rất tốt, việc tách cháu G giao cho M nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý, học hành và cuộc sống của cháu Khang. Hơn nữa, tại tòa anh M cũng trình bày, trước đây do áp lực phải chăm sóc con, đưa rước đi học nên bất mãn trong cuộc sống vợ chồng với chị T. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống, việc học hành cũng như việc phát triển tâm sinh lý của các

con chung được ổn định, Hội đồng xét thấy giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung phù hợp với quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/con chung và anh M cũng đồng ý. Đây là sự tự nguyện của anh M nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Cao Hoài M phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Cao Hoài M

2. Về con chung: Giao con chung Cao Nguyễn H, sinh ngày 28/10/2011, Cao Nguyễn G, sinh ngày 12/4/2013; Cao Nguyễn C, sinh ngày 22/01/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Cao Hoài M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu H, G, C với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/cháu đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 28/4/2020.

Anh Cao Hoài M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006723 ngày 22/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị T đã nộp xong án phí.

- Anh Cao Hoài M có nghĩa vụ nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã AT, H. M, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Duy Linh

